

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28/8/2025 về tín dụng đối với sinh viên học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 28/8/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (sau đây gọi tắt là *Quyết định 29*).

Căn cứ Quyết định số 2627/QĐ-BGD&ĐT ngày 17/9/2025 về việc ban hành Chuẩn chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ tài năng thuộc các lĩnh vực STEM.

Nhằm đảm bảo tất cả sinh viên thuộc diện đủ điều kiện đều có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng chính sách một cách minh bạch, thuận lợi. Giúp sinh viên chủ động chuẩn bị hồ sơ, thực hiện đúng các bước, tránh thiếu sót hoặc chậm trễ làm ảnh hưởng đến quyền lợi. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) hướng dẫn thực hiện chính sách về tín dụng đối với sinh viên (SV) học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) cụ thể như sau:

1. Đối tượng thụ hưởng chính sách

- Sinh viên đại học hệ chính quy, là công dân Việt Nam, đang theo học tại Trường các ngành đào tạo thuộc danh mục kèm theo.

- Đảm bảo điều kiện học lực theo Quyết định 29, cụ thể:

a) Đối với **SV năm thứ nhất**: Có đồng thời cả 3 năm học trung học phổ thông (THPT) được đánh giá kết quả học tập đạt từ mức khá trở lên; hoặc đạt điểm trung bình môn năm lớp 12 của các môn toán, vật lý, hóa học, sinh học từ 8 điểm trở lên;

b) Đối với **SV từ năm thứ hai trở đi**: Có kết quả trung bình học tập năm học đạt loại giỏi trở lên tại năm học trước liền kề với năm học đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội (CSXH) cho vay vốn.

- Có nhu cầu vay vốn và được Trường xác nhận đang theo học đúng ngành, đúng bậc đào tạo.

2. Mức vốn cho vay

Mức vốn cho vay tối đa đối với 01 SV để hỗ trợ trang trải tiền học phí, tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian còn lại của khóa học, bao gồm:

- Toàn bộ tiền học phí phải đóng của SV (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của Trường nếu có) theo xác nhận của Trường;

- Tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác tối đa là 5 triệu đồng/tháng.

3. Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay là 4,8%/năm.
- Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

4. Phương thức cho vay

- Ngân hàng CSXH sẽ cho SV vay thông qua hộ gia đình. Khi đó, bố/mẹ hoặc người đại diện hợp pháp trong gia đình sẽ là người đứng tên vay và trực tiếp làm việc với Ngân hàng.

- Nếu gia đình không còn ai từ 18 tuổi trở lên, hoặc người còn lại không có khả năng lao động hay không đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định, thì chính SV được phép đứng tên vay tại Ngân hàng.

5. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay bao gồm: (a) Thời hạn giải ngân vốn vay, (b) Thời gian kể từ ngày SV kết thúc khóa học đến khi bắt đầu trả khoản nợ vay đầu tiên và (c) Thời hạn trả nợ.

a) *Thời hạn giải ngân vốn vay* là khoảng thời gian tính từ ngày SV nhận khoản vay đầu tiên cho đến ngày SV kết thúc khóa học, kể cả thời gian nghỉ học tạm thời:

+ Thời hạn giải ngân vốn vay được chia thành các kỳ hạn giải ngân vốn vay do Ngân hàng CSXH quy định;

+ Ngân hàng CSXH không giải ngân vốn vay trong thời gian SV nghỉ học tạm thời;

+ Trong thời hạn giải ngân vốn vay, SV chưa phải trả nợ gốc và lãi.

b) *Kể từ ngày SV kết thúc khóa học* 12 tháng theo quy định, SV phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên. SV có thể trả nợ trước hạn mà không chịu lãi phạt trả nợ trước hạn.

c) *Thời hạn trả nợ* do Ngân hàng CSXH quyết định, tối đa bằng thời hạn giải ngân vốn vay trừ đi thời gian nghỉ học tạm thời. Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ với mức trả nợ mỗi kỳ do Ngân hàng CSXH quyết định.

6. Quy trình thực hiện chính sách về tín dụng đối với sinh viên học các ngành STEM tại Trường

Bước 1: SV thực hiện biểu mẫu Tờ khai thông tin

a) Đối với sinh viên năm nhất chuẩn bị hồ sơ gồm:

- SV tải mẫu và điền đầy đủ thông tin vào “*Tờ khai thông tin tại thời điểm đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn*” (Mẫu BM01 đính kèm).

- SV photo học bạ THPT kèm theo để minh chứng.

b) Đối với sinh viên năm thứ hai trở đi chuẩn bị hồ sơ gồm:

- SV tải mẫu và điền đầy đủ thông tin vào “*Tờ khai thông tin tại thời điểm đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn*” (Mẫu BM02 đính kèm).

- SV xin bảng điểm học tập năm học liền trước tại phòng Đào tạo của trường (Phòng A1.202 – tầng 2, Tòa nhà Trung tâm) kèm theo để minh chứng.

Bước 2: Xác nhận của Trường

- SV hoàn thành Bước 1, nộp hồ sơ về Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên (A1.203 – tầng 2, Tòa nhà Trung tâm) để được xác nhận.

- Thời gian xử lý: tối đa 01 ngày làm việc (không kể ngày nghỉ, Lễ).

Bước 3: Liên hệ Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện vay vốn

- SV gửi “Tờ khai thông tin tại thời điểm đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn” đã được xác nhận về gia đình.

- Đại diện hộ gia đình mang hồ sơ đến Ngân hàng CSXH tại địa phương nơi cư trú để làm thủ tục vay vốn.

- Ký hợp đồng vay vốn và nhận lịch giải ngân.

Bước 4: Duy trì điều kiện và cập nhật hàng năm

- Hàng năm, SV thực hiện biểu mẫu “Tờ khai thông tin hàng năm” (Mẫu BM03 đính kèm).

- SV nộp BM03 về Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên (A1.203 – tầng 2, Tòa nhà Trung tâm) để được xác nhận.

- SV nộp BM03 đã được xác nhận nộp về Ngân hàng CSXH tại địa phương cư trú để làm thủ tục giải ngân vốn vay.

6. Kênh hỗ trợ

Sinh viên cần biết thêm thông tin chi tiết hoặc cần hỗ trợ về hồ sơ liên hệ:

- Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, phòng A1.203 – Tầng 2, Tòa nhà Trung tâm.

- Email: p.cthssv@hcmute.edu.vn; Website: <https://sao.hcmute.edu.vn/>

- Điện thoại: 0989.250.245 (Cô Thảo); 0938.775.001 (Thầy Bình)

Hướng dẫn này thay thế cho Hướng dẫn số 3208/HD-ĐHSPKT ngày 15/9/2025 của Trường về việc hướng dẫn thực hiện chính sách về tín dụng đối với SV học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các đơn vị (để phối hợp);
- Sinh viên (để thực hiện);
- Đăng website;
- Lưu: VT, TSCTSV.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG TUYỂN SINH VÀ CTSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



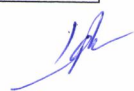
ThS. Lê Quang Bình

**DANH MỤC CÁC NGÀNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, KỸ THUẬT VÀ TOÁN
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 338/HD-ĐHSPKT ngày 26 tháng 9 năm 2025 của
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh)*

TT	Nhóm ngành	Mã ngành	Tên ngành
1.	Máy tính và CNTT	7480108	Công nghệ Kỹ thuật máy tính
2.	Máy tính và CNTT	7480118	Hệ thống nhúng và IoT
3.	Máy tính và CNTT	7480201	Công nghệ thông tin
4.	Máy tính và CNTT	7480202	An toàn thông tin
5.	Máy tính và CNTT	7480203	Kỹ thuật dữ liệu
6.	Công nghệ kỹ thuật	7510102	Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng
7.	Công nghệ kỹ thuật	7510106	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng
8.	Công nghệ kỹ thuật	7510201	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí
9.	Công nghệ kỹ thuật	7510201T DA	CTĐT Cơ khí - Tự động Hóa (thuộc ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí)
10.	Công nghệ kỹ thuật	7510202	Công nghệ chế tạo máy
11.	Công nghệ kỹ thuật	7510203	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử
12.	Công nghệ kỹ thuật	7510205	Công nghệ Kỹ thuật ô tô
13.	Công nghệ kỹ thuật	7510206	Công nghệ Kỹ thuật nhiệt
14.	Công nghệ kỹ thuật	7510208	Năng lượng tái tạo
15.	Công nghệ kỹ thuật	7510209	Robot & trí tuệ nhân tạo
16.	Công nghệ kỹ thuật	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử
17.	Công nghệ kỹ thuật	7510302	Công nghệ Kỹ thuật điện tử – viễn thông
18.	Công nghệ kỹ thuật	7510302K TVM	CTĐT Kỹ thuật thiết kế vi mạch (thuộc ngành CNKT Điện tử – viễn thông)
19.	Công nghệ kỹ thuật	7510303	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa
20.	Công nghệ kỹ thuật	7510401	Công nghệ Kỹ thuật hóa học
21.	Công nghệ kỹ thuật	7510402	Công nghệ vật liệu

TT	Nhóm ngành	Mã ngành	Tên ngành
22.	Công nghệ kỹ thuật	7510406	Công nghệ Kỹ thuật môi trường
23.	Công nghệ kỹ thuật	7510601	Quản lý công nghiệp
24.	Công nghệ kỹ thuật	7510605	Logistics & quản lý chuỗi cung ứng
25.	Công nghệ kỹ thuật	7510801	Công nghệ Kỹ thuật in
26.	Kỹ thuật	7520117	Kỹ thuật công nghiệp
27.	Kỹ thuật	7520212	Kỹ thuật y sinh (Điện tử y sinh)
28.	Kỹ thuật	7520401	Vật lý kỹ thuật (định hướng công nghệ bán dẫn và cảm biến, đo lường)
29.	Sản xuất và chế biến	7540101	Công nghệ thực phẩm
30.	Sản xuất và chế biến	7540101DD	CTĐT Khoa học thực phẩm & Dinh dưỡng (thuộc ngành Công nghệ thực phẩm)
31.	Sản xuất và chế biến	7540209	Công nghệ may
32.	Sản xuất và chế biến	7549002	Kỹ nghệ gỗ & nội thất
33.	Kiến trúc và xây dựng	7580101	Kiến trúc
34.	Kiến trúc và xây dựng	7580103	Kiến trúc nội thất
35.	Kiến trúc và xây dựng	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
36.	Kiến trúc và xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng
37.	Công nghệ tài chính	7340205	Công nghệ tài chính





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcTỜ KHAI THÔNG TIN TẠI THỜI ĐIỂM ĐỀ NGHỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHO VAY VỐN**1. Đối tượng vay vốn**

Họ và tên sinh viên: MSSV:

Ngày sinh: Giới tính: CCCD số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Tên cơ sở giáo dục đại học đang theo học: **Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh**Hệ đào tạo: **ĐẠI HỌC**Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

Ngành, lĩnh vực đào tạo:

Mã ngành: Tên ngành:

Ngày nhập học (tháng/năm): Đang học năm thứ: / năm

Thời gian dự kiến ra trường (tháng/năm): Thời gian học tại trường: tháng.

2. Điều kiện vay vốn (đối với HSSV năm nhất):

- Xếp loại học lực của 03 năm học THPT:

Lớp 10:; Lớp 11:; Lớp 12:

- Điểm trung bình năm lớp 12 THPT của các môn:

Toán:; Vật lí:; Hóa học:; Sinh học:

*Kèm theo bản sao học bạ hoặc phiếu điểm***3. Học phí và các khoản hỗ trợ tại trường**

- Số tiền học phí trong thời gian còn lại của khoá học theo quy định: đồng/tháng.

- Số tiền hỗ trợ tài chính của nhà trường (nếu có): đồng/tháng.

- Số tiền học bổng (nếu có): đồng/tháng.

- Số tiền miễn giảm khác (nếu có): đồng/tháng.

- **Số tiền học phí còn phải đóng** (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường):
..... đồng/tháng (bằng chữ:).**NGƯỜI HỌC**

(ký và ghi rõ họ tên)

TP. Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG**TRƯỞNG PHÒNG TUYỂN SINH VÀ CTSV**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcTỜ KHAI THÔNG TIN TẠI THỜI ĐIỂM ĐỀ NGHỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHO VAY VỐN**1. Đối tượng vay vốn**

Họ và tên sinh viên: MSSV:

Ngày sinh: Giới tính: CCCD số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Tên cơ sở giáo dục đại học đang theo học: **Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh**Hệ đào tạo: **ĐẠI HỌC**Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

Ngành, lĩnh vực đào tạo:

Mã ngành: Tên ngành:

Ngày nhập học (tháng/năm): Đang học năm thứ: / năm

Thời gian dự kiến ra trường (tháng/năm): Thời gian học tại trường: tháng.

2. Điều kiện vay vốn (đối với HSSV từ năm hai trở đi):

- Điểm trung bình học tập năm học 2024-2025: (Hệ điểm 4)

- Xếp loại học tập năm học 2024-2025:

*Kèm theo bảng điểm năm học 2024-2025***3. Học phí và các khoản hỗ trợ tại trường**

- Số tiền học phí trong thời gian còn lại của khoá học theo quy định: đồng/tháng.

- Số tiền hỗ trợ tài chính của nhà trường (nếu có): đồng/tháng.

- Số tiền học bổng (nếu có): đồng/tháng.

- Số tiền miễn giảm khác (nếu có): đồng/tháng.

- **Số tiền học phí còn phải đóng** (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường):
..... đồng/tháng (bằng chữ:).**NGƯỜI HỌC**

(ký và ghi rõ họ tên)

TP. Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG**TRƯỞNG PHÒNG TUYỂN SINH VÀ CTSV**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THÔNG TIN HÀNG NĂM

1. Thông tin người học

Họ và tên sinh viên: MSSV:

Ngày sinh: Giới tính: CCCD số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Tên cơ sở giáo dục đại học đang theo học: **Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh**

Có thay đổi ngành, lĩnh vực đào tạo so với năm trước không? ☐ Có ☒ Không

2. Học phí và các khoản hỗ trợ tại trường

- Số tiền học phí trong thời gian còn lại của khoá học theo quy định: đồng/tháng.

- Số tiền hỗ trợ tài chính của nhà trường (nếu có): đồng/tháng.

- Số tiền học bổng (nếu có): đồng/tháng.

- Số tiền miễn giảm khác (nếu có): đồng/tháng.

- **Số tiền học phí còn phải đóng** (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường):
..... đồng/tháng (bằng chữ:).

NGƯỜI HỌC

(ký và ghi rõ họ tên)

TP. Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG TUYỂN SINH VÀ CTSV